



PHÂN TÍCH NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

Hoàng Kim Toàn², Trương Quý Tùng¹, Nguyễn Văn Huân², Đào Thị Thùy Trang²

¹Đại học Huế, 03 Lê Lợi, Huế

²Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, 20 Lê Lợi, Huế

Tác giả liên hệ: **Hoàng Kim Toàn** < hoangkimtoan@huaf.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 08-11-2021; Ngày chấp nhận đăng: 21-11-2021)

Tóm tắt: Nghiên cứu này tìm hiểu thực trạng hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên Đại học Huế. Nghiên cứu đã đề xuất được bảy yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên Đại học Huế. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát 721 sinh viên tại 9 trường Đại học thuộc Đại học Huế, dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0. Kết quả nghiên cứu đã xây dựng và kiểm chứng mô hình các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên với 4 yếu tố đại diện theo mức độ ảnh hưởng từ mạnh đến yếu là chương trình đào tạo khởi nghiệp, thái độ đối với khởi nghiệp, kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp và quy chuẩn chủ quan. Khi chương trình đào tạo khởi nghiệp ngày càng được hoàn thiện, kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp càng được nâng cao, thái độ đối với khởi nghiệp càng tích cực và sự ủng hộ của những người thân và thầy cô càng mạnh mẽ thì ý định khởi nghiệp của sinh viên càng cao.

Từ khóa: đổi mới sáng tạo, sinh viên, tinh thần doanh nhân, tự chủ, ý định khởi nghiệp.

ANALYSIS FOR THE AFFECTING FACTORS OF THE HUE UNIVERSITY STUDENTS' ENTREPRENEURSHIP INTENTION

Hoang Kim Toan², Truong Quy Tung¹, Nguyen Van Huan², Dao Thi Thuy Trang²

¹Hue University, 03 Le Loi, Hue

²Startup and Innovation Center, 20 Le Loi, Hue

* Correspondence to **Hoang Kim Toan** < hoangkimtoan@huaf.edu.vn >

(Received: November 08, 2021; Accepted: November 21, 2021)

Abstract: This research investigates the current active status of creative entrepreneurship and its intention of Hue University students. The research has proposed 7 factors that affect the creative entrepreneurship intention of Hue University students. The researched data was collected from the survey of 721 students at 9 members Colleges of Hue University. The collected data is processed by the statistical software SPSS 20.0. The result has built and verified the model of factors that affect students' entrepreneurial intention with 4 factors representing from strong to weak influence, which are: entrepreneurship training program, attitude toward entrepreneurship, knowledge, and experiences of entrepreneurship, as well as the subjective norms. When the entrepreneurship training program gradually improved, entrepreneurship knowledge and experience will also be enhanced, the attitude towards entrepreneurship will become more positive and the support of relatives and teachers will be stronger, which will lead to the higher intention of student's entrepreneurship intention.

Keywords: Creativity, students, entrepreneurial mindset, autonomy, entrepreneurship intention.

1. Đặt vấn đề

Kết quả nghiên cứu theo Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/18 của GEM đã cho thấy mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa trình độ phát triển kinh tế và tỷ lệ người có ý định khởi sự kinh doanh. Các nước phát triển ở giai đoạn I có tỷ lệ người có ý định khởi nghiệp trung bình cao nhất, 30,3%, tiếp đến là các nước phát triển ở giai đoạn II với 26,3% và cuối cùng là các nước ở giai đoạn III, 15,2%. Ở Việt Nam, tỷ lệ người có ý định khởi nghiệp vẫn tiếp tục có xu hướng tăng lên kể từ năm 2014, đạt 25% vào năm 2017, xếp thứ 19/54 nền kinh tế. Điều này có nghĩa là cứ 4 người thì có 1 người có ý định khởi sự kinh doanh trong vòng 3 năm tới ở Việt Nam. Tuy nhiên, so với tỷ lệ trung bình của các nước phát triển ở giai đoạn I thì tỷ lệ này vẫn còn thấp, thậm chí thấp hơn cả so với trung bình của các nước phát triển ở giai đoạn II [7]. Đa số doanh nghiệp được gọi là khởi nghiệp ở Việt Nam vẫn đang ở quy mô vừa và nhỏ do chưa có công nghệ và chưa có khả năng bùng nổ.

Để phát triển số lượng đội ngũ doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo trong xã hội cần bắt đầu từ việc nâng cao ý định khởi nghiệp cá nhân bởi khoa học đã chứng minh hoạt động khởi nghiệp thuộc nhóm hành vi có kế hoạch và dự định (intentionally planned behavior) [1]. Cũng như các hành vi có kế hoạch và dự định khác, khởi nghiệp được dự đoán chính xác nhất thông qua ý định khởi nghiệp [15]. Do vậy việc xem xét ý định khởi nghiệp và các yếu tố tác động tới ý định khởi nghiệp mang ý nghĩa quan trọng giúp dự đoán yếu tố động cơ nào làm nảy sinh hành vi khởi nghiệp cá nhân, từ đó đề ra các giải pháp phát triển đội ngũ doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo trong xã hội.

Khởi nghiệp là một quá trình dài đi từ ý thức đến hành động; đòi hỏi sự tập trung, cố gắng, nỗ lực của cá nhân nên các yếu tố nhận thức bên trong cá nhân chiếm vị trí tiên quyết trong quá trình này [26], [28]. Để nâng cao ý định khởi nghiệp cá nhân từ đó phát triển số lượng đội ngũ khởi nghiệp sáng tạo, việc tạo ra môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp là chưa đủ mà cần có các cơ chế, chính sách và chương trình đào tạo, chương trình hành động làm thay đổi nhận thức, chuẩn chủ quan và niềm tin vào năng lực khởi nghiệp của mỗi cá nhân trong xã hội. Nghiên cứu GEM toàn cầu 2017/18 cho thấy Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục đào tạo kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp và vận hành hoạt động kinh doanh cho người dân và phát triển các chương trình hỗ trợ đào tạo khởi nghiệp [7].

F. Wilbard cho rằng sinh viên là nhóm chủ thể khởi nghiệp sáng tạo tiềm năng bởi là nhóm tinh hoa, có tri thức, được đào tạo bài bản và đặc biệt là đối tượng đang đứng trước ngưỡng cửa lựa chọn việc làm [31].

Tất cả những điều này đã đặt ra sự cần thiết phải có những nghiên cứu đầy đủ và toàn diện về các yếu tố tác động mang tính nhận thức cá nhân tới ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên Đại học Huế và xem xét mức độ tác động của các yếu tố tới ý định khởi nghiệp đối với các nhóm sinh viên khác nhau. Việc nghiên cứu vấn đề này cả về lý luận và thực tiễn sẽ cho biết nhóm yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp sáng tạo ở sinh viên Đại học Huế. Từ đó, sinh viên có thể xác định rõ mục tiêu học tập, mục tiêu trở thành doanh nhân khởi nghiệp trong tương lai.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Khởi nghiệp

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về khởi nghiệp, khởi nghiệp là một quá trình dài đi từ ý thức đến hành động, đòi hỏi sự tập trung, cố gắng, nỗ lực của cá nhân nên các yếu tố nhận thức bên trong cá nhân chiếm vị trí tiên quyết trong quá trình này [24], [16].

Khởi nghiệp là một quá trình bắt đầu từ việc nhận biết cơ hội, từ đó phát triển ý tưởng để theo đuổi cơ hội qua việc thành lập công ty mới. Vì vậy, khởi nghiệp là sự chấp nhận rủi ro để tự làm chủ, tạo lập một doanh nghiệp mới và thuê người khác làm việc cho mình. Nghiên cứu này sử dụng định nghĩa: “Khởi nghiệp là việc một cá nhân (một mình hoặc cùng người khác) tận dụng cơ hội kinh doanh mới” [27].

Khởi nghiệp sáng tạo

Khởi nghiệp sáng tạo là khởi nghiệp dựa trên sự đam mê tột độ, trải nghiệm tột cùng và công nghệ tột đỉnh để từ đó tạo ra các mô hình, sản phẩm sáng tạo và sự đột phá trong tăng trưởng, vượt trội trong cạnh tranh... nhằm giải quyết một hoặc nhiều nhu cầu của thị trường.

Ý định khởi nghiệp

Ý định là trạng thái nhận thức ngay trước khi thực hiện một hành vi [15]. Ý định đại diện cho mức độ cam kết về hành vi sẽ thực hiện trong tương lai [14]. Có rất nhiều định nghĩa khác nhau của các tác giả về ý định khởi nghiệp kinh doanh, tuy nhiên chúng đều thống nhất về mặt nội hàm. Ý định khởi nghiệp kinh doanh là cam kết khởi sự bằng việc tạo lập nên doanh nghiệp mới [14]. Những người có ý định khởi nghiệp kinh doanh là những cá nhân sẵn sàng tiên phong trong việc nắm bắt các cơ hội kinh doanh hấp dẫn mà họ nhận biết được [23]. Hành động khởi nghiệp sẽ diễn ra nếu một cá nhân có thái độ tích cực, có suy nghĩ, ý định về hành động đó. Một ý định mạnh mẽ là tiền đề dẫn tới nỗ lực để bắt đầu khởi sự công việc kinh doanh.

Tóm lại, có thể nhận định rằng ý định khởi nghiệp có khả năng dự báo tương đối chuẩn xác các hành vi khởi nghiệp kinh doanh trong tương lai.

Mô hình nghiên cứu đề xuất những yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên Đại học Huế

Căn cứ vào tổng quan nghiên cứu và một số vấn đề lý luận, thực tiễn về ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên, tác giả đề xuất mô hình cho đề tài gồm các yếu tố:

Yếu tố thái độ đối với việc khởi nghiệp: Thái độ đối với khởi nghiệp là cách nhìn, cách nghĩ của một người về việc khởi sự kinh doanh. Thái độ tích cực và niềm đam mê kinh doanh sẽ tác động thuận chiều với ý định khởi nghiệp [26].

Yếu tố quy chuẩn chủ quan đối với việc khởi nghiệp: Chuẩn chủ quan là nhận thức về những áp lực từ phía xã hội thể hiện sự ủng hộ, hay phản đối người có ý định thực hiện hành vi.

Yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi đối với việc khởi nghiệp: Shane & cộng sự đề xuất các tính cách như “chấp nhận rủi ro”, “niềm tin vào năng lực bản thân”, “kiểm soát bản thân”, “chịu đựng sự mơ hồ”, “đam mê”, “nỗ lực”, “có tầm nhìn” có mối quan hệ với ý định khởi nghiệp của sinh viên [22].

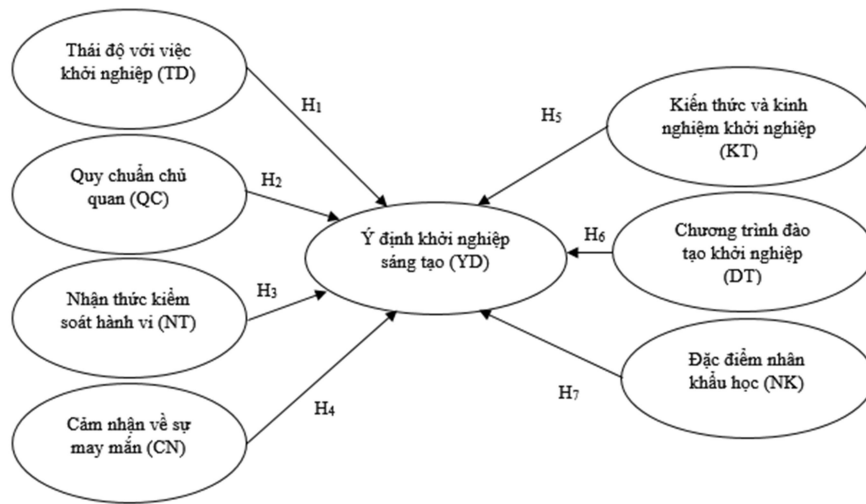
Yếu tố cảm nhận về sự may mắn đối với việc khởi nghiệp: Cảm nhận sự may mắn là mức độ cá nhân nhận thức về độ dễ dàng hay khó khăn; có bị kiểm soát, hạn chế hay không khi thực hiện hành vi, là mức độ tự tin của một cá nhân về khả năng thực hiện các hành vi [1].

Yếu tố kiến thức và kinh nghiệm đối với việc khởi nghiệp: Alsos và Kolvereid kết luận rằng người sáng lập nối tiếp có mức độ của sự cam kết với doanh nghiệp cao hơn người sáng lập mới hoặc song song [2] [13].

Yếu tố chương trình đào tạo đối với việc khởi nghiệp: Linnan và cộng sự cho rằng vốn tri thức là những tri thức mà sinh viên thu nhận được từ các hoạt động đào tạo của nhà trường với các nội dung chương trình đào tạo gắn với hoạt động khởi nghiệp của sinh viên [17].

Yếu tố đặc điểm nhân khẩu học đối với việc khởi nghiệp: Nhiều nghiên cứu cho rằng truyền thống kinh doanh của gia đình tác động rất lớn đến ý định khởi nghiệp và những kinh nghiệm mà một cá nhân trải qua trong thời thơ ấu gắn liền với truyền thống kinh doanh phát đạt của gia đình sẽ là động lực để một cá nhân theo đuổi đam mê khởi nghiệp. Alsos và cộng sự cũng đồng ý với nhận định rằng truyền thống gia đình làm kinh doanh sẽ khuyến khích cá nhân mong muốn khởi nghiệp [2].

Yếu tố ý định khởi nghiệp đối với việc khởi nghiệp: Ý định khởi nghiệp là một trạng thái của tâm trí nhấn mạnh đến sự quan tâm của một cá nhân và kinh nghiệm thực tiễn của họ để thực hiện một hành vi kinh doanh, bao gồm: Sự tán thành đối với hoạt động khởi nghiệp; Kế hoạch thực hiện hành vi kinh doanh; Tận dụng cơ hội để khởi nghiệp kinh doanh [25].



Hình 1. Sơ đồ mô hình nghiên cứu đề xuất

(Nguồn: Tác giả)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chọn mẫu và kích thước mẫu

Trong phân tích thống kê, mẫu phải đủ lớn để đảm bảo độ tin cậy nhất định. Kích thước mẫu đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc ước lượng và phân tích thống kê để đạt được các ước lượng tham số ổn định [9], [12]. Theo Kline, một số kích thước mẫu chính xác trong các phương pháp ước lượng có thể là nhỏ ($N < 100$), vừa (N từ 100 đến 200) và lớn ($N > 200$) [12]. Kích thước mẫu nhỏ nhất được đề xuất để đảm bảo những giải pháp ổn định là 100 đến 150 và với mẫu từ 200 trở lên có thể được đề xuất cho việc cung cấp một nền tảng vững chắc để ước lượng [9]. Nghiên cứu này sử dụng số mẫu lên đến 1000 mẫu nên hoàn toàn đảm bảo được yêu cầu và giá trị của nghiên cứu.

Khung lấy mẫu: Tính đến thời điểm 2021, Đại học Huế gồm có 12 cơ sở đào tạo, trong đó có 9/12 cơ sở đào tạo phối hợp thực hiện khảo sát cho đề tài gồm 1000 sinh viên tham gia khảo sát. Như vậy tổng số phiếu điều tra phát ra là 1000 phiếu, thu về được 968 phiếu. Trong đó, có 721 phiếu hợp lệ được tiến hành hiệu chỉnh trước khi đưa vào xử lý và phân tích dữ liệu. Nhóm tác giả tiến hành kiểm soát mẫu xuyên suốt quá trình điều tra để đảm bảo tính đại diện của mẫu. Phương pháp chọn mẫu đối với sinh viên Đại học Huế là phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

Kết quả thống kê mô tả điều tra tại các cơ sở đào tạo chi tiết tại bảng 1.

Bảng 1: Tỷ lệ sinh viên thuộc các cơ sở đào tạo và năm học

TT	Cơ sở đào tạo	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Năm học					
				1	2	3	4	5	6
1	Trường Đại học Y Dược, ĐHH	70	9.71	0	20	23	27	0	0
2	Trường Đại học Khoa học, ĐHH	88	12.21	1	11	24	47	5	0
3	Trường Đại học Kinh tế, ĐHH	91	12.62	0	50	38	3	0	0
4	Trường Đại học Sư phạm, ĐHH	70	9.71	0	18	25	27	0	0
5	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	84	11.65	0	28	30	26	0	0
6	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHH	93	12.9	37	7	6	43	0	0
7	Trường Đại học Luật, ĐHH	76	10.54	14	16	36	10	0	0
8	Trường Đại học Nghệ thuật, ĐHH	66	9.15	29	25	10	2	0	0
9	Trường Du lịch - ĐHH	83	11.51	0	28	36	19	0	0
Tổng cộng		721	100	721					

(Nguồn: Kết quả xử lý và tổng hợp trên SPSS, 2021)

Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm thu thập thông tin để phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên Đại học Huế.

Nghiên cứu định lượng với phương pháp thống kê mô tả để đưa ra đặc điểm của tổng thể nghiên cứu, kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích tương quan hệ số Pearson, phân tích hồi quy đa biến, T-test ANOVA để chứng minh mức độ phù hợp của thang đo đề xuất.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả thống kê mô tả

Về đặc điểm giới tính, số lượng mẫu thu được có 384 nam, chiếm 53,3% và 337 nữ, chiếm 46,7%. Theo đó, tỷ lệ sinh viên nam tham gia khảo sát lớn hơn sinh viên nữ nhưng không chênh lệch nhiều. Vì vậy, trong phạm vi nghiên cứu, có thể nhận định rằng giới tính không ảnh hưởng nhiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Huế.

Kết quả thống kê mô tả tại 9/12 cơ sở đào tạo thuộc Đại học Huế cho thấy tỷ lệ sinh viên có ý định khởi nghiệp chiếm tỷ lệ cao 54,4%, trong đó 72,96% sinh viên cho biết rằng các bạn có ý định khởi nghiệp vì muốn kiếm tiền, muốn thay đổi bản thân, khẳng định bản thân, muốn thử sức và trải nghiệm,... thuộc nhóm “muốn phát triển”.

Khảo sát cũng cho thấy có đến 73,33% sinh viên đề xuất rằng nên tổ chức các chương trình, khóa học, cuộc thi khởi nghiệp, gặp gỡ chuyên gia tư vấn nhiều hơn kết hợp với việc phát triển truyền thông về các hoạt động này để giúp sinh viên nắm bắt các kiến thức, kinh nghiệm liên quan đến khởi nghiệp.

3.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Bảng 2: Kiểm định độ tin cậy thang đo

<i>Thang đo</i>	<i>Tương quan biến tổng</i>	<i>Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến</i>	<i>Giá trị trung bình</i>	<i>Nguồn tham khảo</i>
1. Thái độ với việc khởi nghiệp (TD): Cronbach's Alpha = 0,880				
<i>Khởi nghiệp sáng tạo có lợi hơn là bất lợi với bản thân</i>	0,623	0,875	3,93	
<i>Khởi nghiệp sáng tạo hấp dẫn đối với bản thân bạn</i>	0,741	0,849	3,78	Mirianda, F.
<i>Trong các lựa chọn thì bạn muốn trở thành một doanh nhân</i>	0,752	0,846	3,61	J., Chanmorro - Mera, A., Rubio, S. (2017) [18]
<i>Trở thành một doanh nhân tạo ra sự thỏa mãn cho bản thân bạn</i>	0,719	0,854	3,54	
<i>Nếu có cơ hội và nguồn lực bạn sẽ khởi nghiệp</i>	0,736	0,849	3,94	
2. Quy chuẩn chủ quan (QC): Cronbach's Alpha = 0,804				
<i>Nếu bạn khởi nghiệp, gia đình và người thân sẽ ủng hộ quyết định của bạn</i>	0,657	0,726	2,96	Zhang, Y., & Yang, J. (2006) [33]
<i>Nếu bạn khởi nghiệp, bạn bè sẽ ủng hộ</i>	0,681	0,702	2,93	
<i>Nếu bạn khởi nghiệp, giáo viên sẽ ủng hộ bạn</i>	0,617	0,769	2,90	

3. Nhận thức kiểm soát hành vi (NT): Cronbach's Alpha = 0,736

Khởi nghiệp kinh doanh riêng nằm trong tâm kiểm soát của bạn	0,432	0,727	3,05	
Khởi nghiệp kinh doanh riêng là hành vi dễ dàng	0,543	0,669	3,00	Chau & Huynh (2020) [4]
Bạn có nguồn lực, thời gian và cơ hội để khởi nghiệp	0,574	0,649	3,23	
Bạn cảm thấy tự tin khi bạn khởi nghiệp	0,569	0,652	3,23	

4. Cảm nhận về sự may mắn (CN): Cronbach's Alpha = 0,756

Bạn nghĩ mình sẽ may mắn khi khởi nghiệp	0,609	0,646	3,17	
Khi khó khăn bạn sẽ luôn có sự hỗ trợ	0,582	0,678	3,01	Ajzen, I. (1991) [1]
Nếu khởi nghiệp bạn sẽ thành công	0,566	0,696	3,07	

5. Kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp (KT): Cronbach's Alpha = 0,889

Bạn có kiến thức về khởi nghiệp sáng tạo	0,687	0,882	2,91	
Bạn có kiến thức về vận hành doanh nghiệp	0,792	0,845	2,77	Fayolle, A., & Gailly, B. (2015) [8]
Bạn có kinh nghiệm làm quản lý	0,772	0,851	2,90	
Bạn có kinh nghiệm vận hành dự án khởi nghiệp	0,778	0,849	2,82	

6. Chương trình đào tạo khởi nghiệp (DT): Cronbach's Alpha = 0,866

Giáo dục trong trường đại học khuyến khích bạn phát triển những ý tưởng sáng tạo để khởi nghiệp	0,697	0,838	3,59	
Giáo dục trong trường đại học cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng để bạn khởi nghiệp	0,787	0,799	3,55	Chau & Huynh, 2020 [4];
Bạn thường xuyên tham gia các hoạt động về khởi nghiệp do trường và các đơn vị tổ chức	0,690	0,839	3,28	
Sau khi bạn tham gia các chương trình về khởi nghiệp, bạn mong muốn trở thành doanh nhân	0,695	0,838	3,41	

7. Đặc điểm nhân khẩu học (NK): Cronbach's Alpha = 0,586

Giới tính có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của bạn	0,353	0,553	3,23	Alsos, G.A., Carter, S., Ljunggren, E. and Welter, F. (2011) [2]
Tuổi tác có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của bạn	0,431	0,448	3,48	
Sự yêu thích kinh doanh ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của bạn	0,414	0,457	4,05	

8. Ý định khởi nghiệp (YD): Cronbach's Alpha = 0,891

Bạn đã sẵn sàng để khởi nghiệp	0,775	0,855	3,26	Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J. & Anderson, R.E. (2013) [11]
Bạn sẽ cố gắng hết sức để bắt đầu khởi nghiệp	0,812	0,821	3,51	
Mục tiêu nghề nghiệp của bạn là trở thành một doanh nhân	0,773	0,857	3,43	

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu 721 sinh viên Đại học Huế, 2021)

3.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) bằng phương pháp xoay (Promax)

- Đối với các biến độc lập: Kết quả cho thấy 26 biến quan sát ban đầu được nhóm thành 7 nhóm. Giá trị tổng phương sai trích = 67,484% > 50% là đạt yêu cầu, khi đó có thể nói rằng 7 nhân tố này giải thích 67,484% biến thiên của dữ liệu. Giá trị hệ số Eigenvalues của các nhân tố đều cao (>1), nhân tố thứ 7 có Eigenvalues thấp nhất là 1,337 > 1.

- Đối với biến phụ thuộc: Kết quả phân tích EFA của nhân tố với thang đo chọn trường của học sinh cho thấy thang đo này đạt giá trị. Cụ thể, 3 biến quan sát của thang đo tạo thành một nhân tố duy nhất tại điểm dừng Eigenvalue là 2,464 > 1, có tổng phương sai trích = 82,149% (> 50%) cho thấy thang đo giải thích được 82,149% dữ liệu, hệ số tải nhân tố của các biến đều lớn hơn 0,5, hệ số KMO = 0,745 > 0,5 nên phân tích EFA phù hợp với dữ liệu, thống kê Chi-Square của kiểm định Bartlett đạt giá trị 1256,205 với mức ý nghĩa Sig = 0,000 < 0,05 cho thấy các biến quan sát tương quan với nhau. Do vậy thang đo được chấp nhận.

3.4. Phân tích tương quan hệ số Pearson

Bảng 3: Bảng ma trận tương quan theo hệ số Pearson

Tương quan Pearson	FYD	FTD	FKT	FDT	FQC	FNT	FCN	FNK
Hệ số tương quan	1							
FYD								
Giá trị p								
Hệ số tương quan	,466**	1						
FTD								
Giá trị p	,000							
Hệ số tương quan	,337**	,262**	1					
FKT								
Giá trị p	,000	,000						

FDT	Hệ số tương quan	,509**	,415**	,350**	1				
	Giá trị p	,000	,000	,000					
FQC	Hệ số tương quan	,160**	,202**	,060	,081*	1			
	Giá trị p	,000	,000	,108	,031				
FNT	Hệ số tương quan	,141**	,157**	,217**	,130**	-,012	1		
	Giá trị p	,000	,000	,000	,000	,748			
FCN	Hệ số tương quan	,015	-,027	,013	,020	-,051	,060	1	
	Giá trị p	,694	,466	,722	,595	,170	,107		
FNK	Hệ số tương quan	,005	,005	,036	-,022	-,241**	,059	-,036	1
	Giá trị p	,890	,902	,331	,562	,000	,113	,337	

(Nguồn: Phân tích tổng hợp của tác giả, 2021)

Từ bảng 4 cho thấy, biến Ý định khởi nghiệp (FYD) và các biến độc lập bao gồm: Thái độ với việc khởi nghiệp (FTD), Kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp (FKT), Chương trình đào tạo khởi nghiệp (FDT), Quy chuẩn chủ quan (FQC), Nhận thức kiểm soát hành vi (FNT) đều có giá trị $p < 0,05$ nên hệ số tương quan r có ý nghĩa thống kê nghĩa là có sự tương quan giữa các biến độc lập này với biến phụ thuộc ở mức tin cậy 99%. Dựa vào hệ số tương quan r có thể kết luận: biến Quy chuẩn chủ quan (FQC) và biến Nhận thức kiểm soát hành vi (FNT) có mối tương quan yếu với biến Ý định khởi nghiệp (FYD) do có r nằm trong khoảng $0.0 \leq |r| < 0.3$; Biến Thái độ với việc khởi nghiệp (FTD) và biến Kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp (FKT) có mối tương quan trung bình với biến Ý định khởi nghiệp (FYD) do có r nằm trong khoảng $0.3 \leq |r| < 0.5$; Biến Chương trình đào tạo khởi nghiệp (FDT) có mối tương quan mạnh với biến Ý định khởi nghiệp (FYD) do có r nằm trong khoảng $0.5 \leq |r| < 0.7$ (Bảng 2).

Hai biến độc lập còn lại là Cảm nhận về sự may mắn (FCN) và Đặc điểm nhân khẩu học (NK) có giá trị $p > 0,05$ nghĩa là không có sự tương quan giữa 2 biến độc lập này với biến phụ thuộc.

3.5. Phân tích hồi quy đa biến

Bảng 4: Kết quả hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa Beta	Thống kê T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến		
	B	Độ lệch chuẩn				Độ chấp nhận của biến (Tolerance)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)	
1	Hằng số	-0,137	0,308		-0,446	0,656		
	FTD	0,324	0,041	0,270	7,950	0,000	0,774	1,292

FKT	0,154	0,037	0,136	4,143	0,000	0,834	1,199
FDT	0,387	0,039	0,340	9,922	0,000	0,763	1,311
FQC	0,076	0,031	0,077	2,421	0,016	0,896	1,116
FNT	0,036	0,047	0,024	0,764	0,445	0,934	1,071
FCN	0,020	0,035	0,017	0,559	0,577	0,990	1,010
FNK	0,040	0,052	0,024	0,774	0,439	0,932	1,073

(Nguồn: Phân tích tổng hợp của tác giả, 2021)

Các kết quả phân tích trên cho thấy chỉ có 4 trong 7 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên và có ý nghĩa trong mô hình do sig. của biến FNT = 0,445 > 0,05, biến FCN = 0,577 > 0,05 và biến FNK = 0,439 > 0,05 nên không có ý nghĩa trong mô hình vì thế ta loại 3 biến này ra khỏi mô hình. Các biến còn lại đều có sig ≤ 0,05 nên các biến độc lập có quan hệ hồi quy với biến FYD. Hệ số phóng đại phương sai (VIF) của từng nhân tố có giá trị nhỏ hơn 2 chứng tỏ mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến (các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau).

Biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa cho thấy phân phối của phần dư có giá trị trung bình = -1,75E-15 ≈ 0 và độ lệch chuẩn = 0,995 ≈ 1. Mặt khác, biểu đồ P-Plot cho thấy các chấm điểm phân tán sát với đường chéo, phân phối chuẩn có phần dư có thể xem như chuẩn. Do đó, có thể kết luận rằng: giả thiết phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.

Phương trình hồi quy bội cho thấy yếu tố tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên là Chương trình đào tạo khởi nghiệp (FDT) có hệ số β₁ = 0,340 cao nhất và Sig. = 0,000 (có ý nghĩa thống kê), điều này có nghĩa là khi các yếu tố khác không đổi, nếu Chương trình đào tạo khởi nghiệp tăng lên 1 đơn vị thì Ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng lên 0,340 đơn vị. Nhiều nghiên cứu cũng đã khẳng định trình độ học vấn có vai trò quyết định tới ý định khởi nghiệp [30]. Samantha cũng khẳng định các chương trình đào tạo khởi nghiệp có một vị trí vô cùng quan trọng trong việc tạo ra các cá nhân khởi nghiệp và thúc đẩy môi trường, văn hoá khởi nghiệp cho một xã hội [21]. Kolvereid & Moen chứng minh sinh viên tham dự các chương trình về khởi nghiệp thường có ý định khởi nghiệp cao hơn so với nhóm không tham dự [19]. Koe cũng khẳng định việc tham gia các chương trình đào tạo về khởi nghiệp đóng góp rất nhiều đến sự hình thành và phát triển ý định khởi nghiệp của sinh viên [12].

Yếu tố tác động mạnh thứ hai là Thái độ đối với khởi nghiệp (FTD) có hệ số β₂ = 0,270 và Sig. = 0,000. Đây là một yếu tố quan trọng, hầu hết đều xuất hiện trong các nghiên cứu liên quan, kết quả nghiên cứu của Miranda & cộng sự cho thấy thái độ đối với việc khởi nghiệp tác động rõ ràng nhất tới ý định khởi nghiệp [18], mô hình Wu & Wu áp dụng nguyên bản TPB cũng cho thấy “thái độ đối với khởi nghiệp” tác động tích cực đến “ý định khởi nghiệp” của sinh viên [32].

Yếu tố tác động mạnh thứ ba là Kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp (FKT) có hệ số $\beta_3 = 0,136$ và $\text{Sig.} = 0,000$. Kiến thức, kinh nghiệm cũng là một tiêu chí quan trọng ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của một cá nhân. Nabi và Holden (2008) đồng ý rằng kinh nghiệm cuộc sống cá nhân và học hỏi về lập nghiệp cho phép họ dần dần chuyển ý định khởi nghiệp thành hoạt động khởi nghiệp một cách thực tế [19]. Những sinh viên có kinh nghiệm về kinh doanh tự tích lũy trong quá trình học tập sẽ có lợi thế cao hơn và ý định khởi nghiệp rõ ràng hơn những người chưa có kinh nghiệm [5].

Yếu tố tác động mạnh thứ tư là Quy chuẩn chủ quan (FQC) có hệ số $\beta_4 = 0,077$ và $\text{Sig.} = 0,016$. Ban đầu nhóm nghiên cứu đã lấy mô hình Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) do học giả Ajzen khởi xướng năm 1991 [1] làm hướng tiếp cận và quy chuẩn chủ quan là một trong ba yếu tố của mô hình tác động trực tiếp tới ý định khởi nghiệp. Và nghiên cứu này đã chứng minh được yếu tố quy chuẩn chủ quan có tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Huế.

4. Kết luận và đề xuất

4.1. Kết luận

Nghiên cứu đã xác định được các yếu tố và mức độ tác động của từng yếu tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Huế. Qua phân tích 7 yếu tố bao gồm: Thái độ đối với việc khởi nghiệp; Quy chuẩn chủ quan; Nhận thức kiểm soát hành vi; Cảm nhận về sự may mắn; Kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp; Chương trình đào tạo khởi nghiệp; Đặc điểm nhân khẩu học, kết quả cho thấy có 4 yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Huế và mức độ tác động giảm dần theo thứ tự sau: Chương trình đào tạo khởi nghiệp; Thái độ đối với khởi nghiệp; Kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp; Quy chuẩn chủ quan. Kết quả thu thập được phân tích thông qua thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha sau đó đánh giá chính thức thang đo bằng phân tích nhân tố, phân tích bằng mô hình cấu trúc tuyến tính và kiểm định các giả thuyết, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố trong mô hình bằng phương pháp phân tích hồi quy đa biến và tìm được 4 yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Huế.

Trong số kết quả thống kê giá trị trung bình của các yếu tố, có hai yếu tố trên mức 3 và hai yếu tố gần với mức 3 (trung lập) nhưng không đạt mức 4 (đồng ý). Qua đó có thể thấy được mức độ đánh giá của sinh viên qua các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Huế vẫn chưa cao, đặt ra thách thức lớn cho nhà trường cũng như các nhà nghiên cứu để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên.

4.2. Đề xuất

Đối với chương trình đào tạo khởi nghiệp

Qua nghiên cứu này, có thể thấy các chương trình đào tạo khởi nghiệp là yếu tố quan trọng hình thành nên tư duy lập nghiệp và khơi dậy ham muốn kinh doanh của sinh viên ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Chính vì thế, nhà trường nên bổ sung các học phần cơ bản về khởi nghiệp theo hướng bắt buộc hoặc tự chọn tùy vào thực tiễn của từng trường, thiết lập kênh thông tin riêng cung cấp các tài liệu về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Nhà trường cần có định hướng với giảng viên trong quá trình giảng dạy khuyến khích sinh viên khởi nghiệp, lý thuyết đi đôi với thực tế sẽ làm tăng sự tham gia của sinh viên vào học phần này, kết nối sinh viên thông qua các hoạt động tham quan, thực tế, thực tập tại doanh nghiệp để tiếp thu các kinh nghiệm và kỹ năng làm việc.

Đối với thái độ khởi nghiệp

Nhà trường nên tổ chức và phát triển các chương trình, hội chợ, ngày hội kinh doanh, các cuộc thi về khởi nghiệp với những giải thưởng hấp dẫn sự tham gia của sinh viên. Thành lập các câu lạc bộ, vườn ươm, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp - là nơi mà sinh viên có thể dễ dàng nhận hỗ trợ bất cứ điều gì về khởi nghiệp khi có nhu cầu hoặc thắc mắc nào đó. Nghiên cứu hỗ trợ nguồn vốn cho các chương trình, dự án khởi nghiệp của sinh viên. Tăng cường truyền thông rộng rãi để sinh viên biết đến lợi ích của những hoạt động, chương trình mà nhà trường tổ chức bằng cách thiết lập kênh thông tin fanpage để thông báo cũng như giải đáp những thắc mắc của sinh viên, từ đó thu hút sinh viên tham gia nhiều hơn, nâng cao thái độ của từng nhóm sinh viên đối với các ý tưởng khởi nghiệp. Việc tổ chức các buổi gặp gỡ với những người có ảnh hưởng, thành công trên con đường khởi nghiệp cũng là một cách để kích thích ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Đối với kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp

Để có thể trang bị các kiến thức về khởi nghiệp và nâng cao nhận thức, tiếp cận bài học, sự hứng thú, đam mê thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp, nhà trường cần thiết lập các phương pháp tiếp cận các kiến thức kinh doanh dưới dạng tiếp cận một ebook, điều này giúp sinh viên có thể học mọi lúc mọi nơi mà chỉ cần có một tài khoản đăng ký, đặc biệt là trong tình trạng dịch bệnh Covid-19 phức tạp như hiện nay. Đây là yếu tố quan trọng tạo động lực thúc đẩy việc học tập và tự nâng cao năng lực bản thân không chỉ trong vấn đề khởi nghiệp mà còn những vấn đề khác tùy vào mỗi loại đầu sách.

Đối với quy chuẩn chủ quan

Nghiên cứu của tác giả đã cho thấy chuẩn chủ quan cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp cũng như nhận thức của sinh viên Đại học Huế, bắt nguồn từ ảnh hưởng của bố mẹ, nghề nghiệp của bố mẹ, bạn bè, thầy cô và tình trạng việc làm hiện tại của sinh viên. Nhà trường cần tạo điều kiện để sinh viên và giảng viên giao lưu, học hỏi với nhau để hiểu nhau hơn thông qua việc tổ chức nhiều hơn các buổi sinh hoạt, dã ngoại cuối kỳ, cuối năm. Từ đó có thể giúp sinh viên thoải mái hơn trong việc bày tỏ những suy nghĩ của

mình. Nhận được sự ủng hộ từ gia đình là một điều rất quan trọng khiến sinh viên tự tin hơn trong việc nuôi ý định khởi nghiệp, để có được sự ủng hộ đó không phải là điều dễ dàng, đặc biệt là với môi trường truyền thống gia giáo như ở Huế, nhiều gia đình vẫn còn tình trạng mong con cái mình ổn định trong một môi trường làm việc cụ thể nào đó chứ không muốn con cái mình đương đầu với việc khởi nghiệp. Vậy nên, các bạn sinh viên cần dành cho bố mẹ mình sự tôn trọng bằng cách trình bày với họ một cách đầy đủ và cập nhật liên tục về những ý định hay dự án khởi nghiệp của bạn, hoàn toàn thành thật về những khó khăn mà các bạn đang gặp phải, bằng tình cảm bố mẹ dành cho con cái mình, chắc chắn rằng họ sẽ hiểu nhiều hơn về niềm khao khát và ủng hộ, giúp đỡ bạn trên con đường khởi nghiệp.

Đối với sinh viên

Sinh viên cần thay đổi suy nghĩ của chính mình trước tiên, biết cách định hướng và lên kế hoạch cho mục tiêu của mình khi còn ngồi trên ghế nhà trường và sau khi ra trường. Tự tin làm việc mà mình yêu thích và biết cách đón nhận cơ hội để tận dụng nó một cách triệt để hơn. Tận dụng môi trường giáo dục năng động và thời gian ở thời đại học để trau dồi, học hỏi thêm những kiến thức từ thầy cô, từ kinh nghiệm cuộc sống, từ những người đi trước. Chuẩn bị cho mình các kỹ năng cần thiết như kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian và công việc, khả năng thuyết phục và lãnh đạo... bằng cách tham gia các câu lạc bộ, hoạt động, chương trình đào tạo, huấn luyện do trường và xã hội tổ chức, rèn luyện bản thân qua các công việc thực tế, thực tập tại doanh nghiệp. Chính những bài học rút ra đó sẽ là hành trang vững vàng để sinh viên có thể bắt đầu khai dậy ý định khởi nghiệp của mình hoặc làm những công việc khác ngay cả khi ngồi trên ghế nhà trường và sau khi ra trường. Sinh viên cần rèn luyện đức tính kiên trì và chăm chỉ để đạt được thành công và tạo sự trung thực, uy tín trong lòng mọi người.

Đối với Đại học Huế

Trong thời gian tới, cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hơn nữa những kế hoạch liên quan đến Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo cho sinh viên để hỗ trợ sinh viên bước vào một môi trường giáo dục chủ động, năng động và sáng tạo hơn. Lên kế hoạch triển khai sâu rộng vào thực tiễn đề án 844 “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” tập trung hỗ trợ khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các vườn ươm; Tổ chức thúc đẩy kinh doanh, đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo; Tổ chức cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp sáng tạo; Đơn vị truyền thông cho khởi nghiệp; Trường đại học hay các cơ sở đào tạo cho khởi nghiệp sáng tạo. Đề án “Hỗ trợ học sinh - sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 với mục đích: Thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh - sinh viên trên toàn quốc; tạo môi trường hỗ trợ học sinh - sinh viên khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục; Thúc đẩy hình thành các dự án kinh doanh, dự án khởi nghiệp của học sinh - sinh viên thông qua các cuộc thi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajzen, I. (1991). *The theory of planned behavior*. Organizational behavior and human decision processes, 50(2), 179-211.
2. Alsos, G.A., Carter, S., Ljunggren, E. and Welter, F. (2011). Developing synergies between entrepreneurship and agriculture. *Handbook on Entrepreneurship in Agriculture and Rural Development*, Edward Elgar, Cheltenham and Northampton, MA, 6-7.
3. Phan Thị Tú Anh, Giang Thị Cẩm Tiên (2015). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp: Trường hợp sinh viên khoa kinh tế và quản trị kinh doanh trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. Phần D: Khoa học Chính trị, Kinh tế và Pháp luật (38 (2015)): 59-66.
4. Chau, T. T. N., & Huynh, T. L. T. (2020). “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học An Giang [Factors affecting the intention to start a business of An Giang University students]”. *Tạp chí Công Thương*, 17.
5. Devonish, D., Alleyne, P., Charles-Soverall, W., Young Marshall, A., Pounder, P., (2010). “Explaining entrepreneurial intentions in the Caribbean”. *International Journal of Entrepreneurial Behavior và Research*, 16 (2), 149-171.
6. Mai Việt Dũng (2015). “Vấn đề phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Lý luận chính trị* số 07/2015.
7. GEM (2018). *Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/18*. NXB Thanh niên.
8. Fayolle, A., & Gailly, B. (2015). “The impact of entrepreneurship education on entrepreneurial attitudes and intention: Hysteresis and persistence”. *Journal of Small Business Management*, 53(1), 75-93.
9. Hair JF, Black B, Babin B, Anderson RE, Tatham RL (2006). *Multivariate data analysis*. Pearson Prentice Hall. Englewood Cliffs.
10. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J. & Anderson, R. E. (2013). *Multivariate data analysis*, 7th ed. Harlow: Pearson.
11. Koe, W. L. (2016). “The relationship between Individual Entrepreneurial Orientation (IEO) and entrepreneurial intention”. *Journal of Global Entrepreneurship Research*, 6(1), 13.
12. Kline, Theresa. *Psychological testing: A practical approach to design and evaluation*. Sage, 2005.
13. Kolvereid, L., & Moen, Ø. (1997). “Entrepreneurship among business graduates: does a major in entrepreneurship make a difference?”. *Journal of European industrial training*, 21(4), 154-160.

14. Krueger, N. F., Brazeal, D. (1994) "Entrepreneurial potential and potential entrepreneurs", *Entrepreneurship Theory and Practice*, 18, pp. 91 – 104.
15. Krueger, N. F. (2003), "The cognitive psychology of entrepreneurship, in: *Handbook of entrepreneurship research, an interdisciplinary survey and introduction*", Springer, pp. 105-140.
16. Kuckertz, A., & Wagner, M. (2010). "The influence of sustainability orientation on entrepreneurial intentions - Investigating the role of business experience". *Journal of Business Venturing*, 25(5), 524–539. doi:10.1016/j.jbusvent.2009.09.001.
17. Liñán, F., & Chen, Y. W. (2006). *Testing the entrepreneurial intention model on a twocountry sample*. Departament d'Economia de l'Empresa, Universitat Autònoma de Barcelona Document de Treball núm. 06/7(Juliol / July, 2006).Miranda, F. J., Chamorro-Mera, A., & Rubio, S. (2017). *Academic entrepreneurship in Spanish universities: An analysis of the determinants of entrepreneurial intention*. *European Research on Management and Business Economics*.
18. Nabi, Ghulam, and Rick Holden. "Graduate entrepreneurship: intentions, education and training." *Education+ training* (2008).
19. Ngo, T. T. T., & Cao, V. Q. (2016). "Tổng quan lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên [Theoretical overview of students' entrepreneurial intentions]". *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở, Kinh tế và Quản trị Kinh doanh*, 50(5), 56-65.
20. Samantha Kumara, P. A. P. (2012). "Undergraduates' Intention Towards Entrepreneurship: Empirical Evidence from Sri Lanka". *Journal of Enterprising Culture*, 20(01), 105 - 118.
21. Shane, S. A. (2003). *A general theory of entrepreneurship: The individual-opportunity nexus*. Edward Elgar Publishing.
22. Shapero, A. & Sokol, L. (1982), *The social dimensions of entrepreneurship*, Englewood Cliffs: Pearson Prentice – Hall, Upper Shaddle River, New Jersey.
23. Taatila, V., & Down, S. (2012). "Measuring entrepreneurial orientation of university students". *Education + Training*, 54(8), 744–760. doi:10.1108/00400911211274864.
24. Hoàng Thị Phương Thảo, Bùi Thị Thanh Chi (2013). "Ý định khởi nghiệp của nữ học viên MBA tại TP Hồ Chí Minh". *Tạp chí Phát triển kinh tế*, số 271, 5/2013, pp 10-22.
25. Trọng, H., & Ngọc, C. N. M. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nhà xuất bản Hồng Đức, TP.HCM.
26. Nguyễn Thu Thủy (2014). *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tiềm năng khởi sự kinh doanh của sinh viên đại học*. Luận án Tiến sĩ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

27. Trương Thị Thanh Tuyên, Nguyễn Thành Long (2013). “Những tính cách liên quan đến ý hướng khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học An Giang”. *Tạp chí Khoa học* - Số 01 (2013): 65 - 75 Trường Đại học An Giang.
28. Hoàng Thị Thương (2014). *Các yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Lao Động - Xã hội*. Luận văn thạc sỹ Trường Đại học Mở TP HCM.
29. Vojak, B. A., Griffin, A., Price, R. L., & Perlov, K. (2006). *Characteristics of technical visionaries as perceived by American and British industrial physicists*. *R&D Management*, 36(1), 17-26.
30. Wilbard, F. (2009). *Entrepreneurship proclivity: an exploratory study on students' entrepreneurship intention*. Master, University of Agder.
31. Wu, J. (2010). “The impact of corporate supplier diversity programs on corporate purchasers' intention to purchase from women-owned enterprises: An empirical test”. *Journal of Business & Society*, 49 (2), page(s): 359-380.
32. Zhang, Y., & Yang, J. (2006). “New venture creation: Evidence from an investigation into Chinese entrepreneurship”. *Journal of Small Business and Enterprise Development*, 13(2), 161-173.